

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày 09-3-2023
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bích Lý

Bà Hà Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Hoàng Hải Bình - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 129/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 189 H, phường H, quận L, thành phố H; chỗ ở: Số 89/96 C, phường D, quận L, thành phố H; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đoàn Ngọc T; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 189 H, phường H, quận L, thành phố H; chỗ ở: Số 89/96 C, phường D, quận L, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 28 tháng 7 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Đoàn Ngọc T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường Dư Hàng, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào năm 1996.

Sau khoảng thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không còn quan tâm đến tình cảm của nhau, hai bên thường xuyên xảy ra xung đột dẫn đến cuộc sống vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng, trầm trọng. Từ năm 2020 vợ chồng sống ly thân, chị T cùng con ra ngoài ở nhà khác sinh sống. Đến nay, qua nhiều lần hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, nay chị T xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T trình bày vợ chồng có 02 con chung là Đoàn Thanh T, sinh ngày 12/02/1997 và Đoàn Ngọc T, sinh ngày 02/11/2004. Hiện tại, các con đều đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, tiến hành tổ chức phiên tiếp cận chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa anh Đoàn Ngọc T đều vắng mặt không có lý do và cũng không có quan điểm trình bày. Tòa án đã triệu tập, niêm yết theo quy định của pháp luật, nhưng anh T không chấp hành, mặc dù vẫn đang sinh sống tại địa phương.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã nêu trong đơn khởi kiện, bản tự khai của mình và đề nghị xét xử vắng mặt anh Đoàn Ngọc T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn đã không chấp hành quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời phát biểu quan điểm về nội dung giải quyết vụ án trên cơ sở đánh giá, phân tích về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tổ tụng:

[1] Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình, bị đơn là anh Đoàn Ngọc T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 189 H, phường H, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số 89/96 C, phường D, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Nguyễn Thị T có mặt tại phiên tòa, anh Đoàn Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án hai lần tổng đạt trực tiếp. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Ngọc T về chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Dư Hàng, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào tháng 4/1996. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Ngọc T là hôn nhân hợp pháp.

[4] Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Căn cứ vào kết quả xác minh tại địa phương, trên cơ sở ý kiến của tổ dân phố, ý kiến từ các con chung của chị T và anh T đều xác nhận vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn xung đột trong sinh hoạt, khoảng 02 năm nay sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau và các con đều có quan điểm tôn trọng với quyết định của chị T. Trong bản tự khai chị T trình bày vợ chồng sống không hợp nhau cả về công việc, kinh tế, tình cảm. Mặc dù cũng đã nhiều lần vợ chồng và hai bên gia đình khuyên giải, nhưng đến nay chị T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thay đổi, ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng ly thân thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Nguyễn Thị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Đoàn Ngọc T.

[5] Về phía anh Đoàn Ngọc T, Tòa án đã thông tin liên lạc, niêm yết, giao thông báo thụ lý trực tiếp đến nơi cư trú của anh. Tòa án đã triệu tập hòa giải, tiếp cận chứng cứ hợp lệ nhiều lần, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Mặt khác, anh T từ chối nhận các văn bản tố tụng, cố tình trốn tránh không phối hợp làm việc với Tòa án, không có quan điểm đối với yêu cầu ly hôn của chị T.

Điều này thể hiện thái độ không tôn trọng, chấp hành pháp luật của anh T, cũng đồng thời thể hiện việc mâu thuẫn giữa chị T và anh T là có thật (mặc dù đã có tác động hòa giải của hai bên gia đình). Từ đó cho thấy lời khai của chị T trình bày trong đơn khởi kiện cũng như tại các văn bản khác là có cơ sở. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Ngọc T đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, nếu kéo dài tình trạng gia đình như hiện tại chỉ gây khó khăn, cản trở cho cuộc sống của mỗi người.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Ngọc T là có căn cứ, phù hợp các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung:

[6] Chị Nguyễn Thị T xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Đoàn Thanh T, sinh ngày 12/02/1997 và Đoàn Ngọc T, sinh ngày 02/11/2004. Hiện tại, các con đều đã trưởng thành, nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T không có quan điểm về con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung:

[7] Chị Nguyễn Thị T có quan điểm vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Đoàn Ngọc T vắng mặt không có quan điểm về tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[8] Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đoàn Ngọc T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật. Chị T đã nộp đủ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005366 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Đoàn Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- UBND phường Dư Hàng, quận Lê Chân, Hải Phòng (CNKH số 25 ngày 10/4/1996)
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đức Hoàng